

Hoàng Anh Tuấn

tuanha2@ssi.com.vn

+84 - 28 3636 3688 ext. 3040

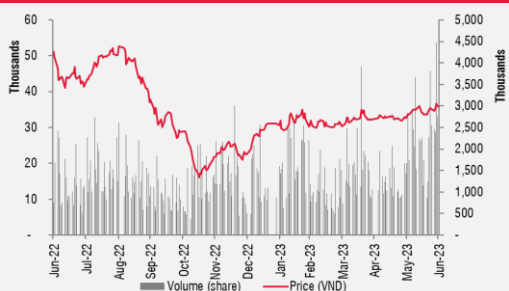
Ngày 04/07/2023

NGÀNH THỦY SẢN

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	213
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	5.019
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	133
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	55,6/15,0
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	1.748.802
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	2,51
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	59,26
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	4,25
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	-

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

ANV là một trong những nhà xuất khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam. Hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty là xuất khẩu phi lê cá tra đông lạnh và sản xuất các sản phẩm liên quan đến cá. ANV là công ty thủy sản tổng hợp lớn nhất Việt Nam sản xuất bao trùm toàn bộ chuỗi giá trị từ nuôi trồng, sản xuất thức ăn thủy sản, chế biến, sản xuất thủy sản đông lạnh và kho lạnh.

Cập nhật ĐHCĐ và KQKD Q1/2023

Thời điểm xuất khẩu phục hồi vẫn chưa rõ ràng

L luận điểm đầu tư: Dựa trên việc thời điểm xuất khẩu phục hồi chưa có dấu hiệu rõ ràng và tiềm năng tăng giá chỉ ở mức -2% (so với giá mục tiêu **36.700 đồng/cổ phiếu**), chúng tôi hạ khuyến nghị đối với cổ phiếu ANV từ **KHẢ QUAN** xuống **TRUNG LẬP**. Tại ĐHCĐ, ban lãnh đạo đã điều chỉnh giảm kế hoạch doanh thu thuần và LNTT năm 2023 lần lượt là 5,2 nghìn tỷ đồng (+6% svck) và 300 tỷ đồng (-61% svck). Kế hoạch LNTT đã được điều chỉnh giảm 40% từ 500 tỷ đồng (-35% svck) trong tháng 4/2023 xuống 300 tỷ đồng (-61% svck) trong cuộc họp tháng 6/2023, phản ánh quan điểm kém lạc quan hơn nhiều của ban lãnh đạo về sự phục hồi của kim ngạch xuất khẩu thủy sản và tỷ suất lợi nhuận thu hẹp trong vòng chưa đầy hai tháng. Cùng với quan điểm của ban lãnh đạo, chúng tôi cũng hạ dự báo LNST năm 2023 xuống 34% do: (1) giá cá tra khó khăn kéo dài hơn dự kiến; và (2) số lượng đơn đặt hàng từ thị trường Trung Quốc thấp hơn dự kiến.

Trong Q1/2023, ANV đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 1,2 nghìn tỷ đồng (-5% svck) và 92 tỷ đồng (-55% svck), hoàn thành 22% và 36% kế hoạch mới về doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế cho cả năm. Do thị trường Trung Quốc mở cửa trở lại và khả năng thâm nhập vào thị trường Mỹ, ANV chịu mức giảm doanh thu thấp hơn so với VHC (-32% svck) và IDI (-6% svck). Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường yếu nên giá bán trung bình của ANV giảm xuống 2,2 USD/kg (-5% so với quý trước, -5% svck), đây là quý giảm thứ ba liên tiếp. Ban lãnh đạo kỳ vọng sự phục hồi sẽ bắt đầu vào cuối Q4/2023 hoặc đầu năm 2024. Trong năm 2023, chúng tôi ước tính doanh thu thuần của ANV đạt 4,9 nghìn tỷ đồng (+1% svck) và lợi nhuận ròng đạt 465 tỷ đồng (-31% svck), tỷ suất lợi nhuận gộp dự kiến sẽ cải thiện trong Q4/2023. Trong năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 5,3 nghìn tỷ đồng (+8% svck) và 611 tỷ đồng (+32% svck).

Quan điểm ngắn hạn: Chúng tôi ước tính lợi nhuận trong Q2/2023 có thể tăng nhẹ so với Q1/2023 và lợi nhuận ròng có thể đã chạm đáy trong Q1/2023 về giá trị tuyệt đối. Do mức nền cao của năm 2022 (đặc biệt là trong Q2/2022), chúng tôi cho rằng lợi nhuận ròng sẽ giảm đáng kể so với cùng kỳ trong Q2/2023. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư theo dõi biến động của giá bình quân hoặc sản lượng tiêu thụ tại Mỹ hoặc Trung Quốc, vì các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến các cổ phiếu ngành cá tra trong ngắn hạn.

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	4.481	3.439	3.494	4.897	4.950	5.345
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	704	202	129	674	465	611
Tăng trưởng LN ròng (% YoY)	17,4%	-71,3%	-36,3%	423,3%	-31,0%	31,5%
EPS (VND)	5.520	1.585	1.009	5.283	3.492	4.591
ROE (%)	33,3%	8,6%	5,5%	25,8%	15,0%	17,3%
Tỷ suất cổ tức (%)	5,2%	8,0%	3,0%	4,4%	2,7%	2,7%
Ng/VCSH (%)	0,55	0,79	0,88	0,67	0,44	0,34
P/E (x)	4,15	15,71	32,99	4,27	10,51	7,99
P/B (x)	1,22	1,36	1,82	1,00	1,48	1,29
EV/EBITDA (x)	3,78	11,89	14,86	5,07	7,09	5,93

Nguồn: ANV, SSI Research

Điểm chính tại ĐHCĐ

Kế hoạch kinh doanh năm 2023: Doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế lần lượt được đặt ở mức 5,2 nghìn tỷ đồng (+6% svck) và 300 tỷ đồng (-61% svck). Chúng tôi lưu ý rằng kế hoạch LNTT của công ty điều chỉnh giảm so với kế hoạch sơ bộ được công ty đặt ra trước đó vào tháng 4/2023 là 500 tỷ đồng (-35% svck), điều này cho thấy thời gian xuất khẩu thủy sản phục hồi có thể kéo dài lâu hơn dự kiến.

Phân phối lợi nhuận: Về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022, ĐHCĐ đã thông qua phương án chi trả cổ tức tiền mặt 1.000 đồng/cp, tương đương tỷ suất cổ tức là 3%. Trong năm 2023, công ty cũng dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 1.000 đồng/cp. ĐHCĐ cũng ủy quyền cho ban lãnh đạo phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận giữ lại với tỷ lệ phát hành là 100%, sẽ làm tăng vốn điều lệ lên 2,67 nghìn tỷ đồng (từ mức 1,33 nghìn tỷ đồng vào thời điểm cuối Q1/2023).

Mảng cá tra: Ban lãnh đạo kỳ vọng xuất khẩu sẽ tiếp tục suy yếu ở hầu hết các thị trường và chưa có dấu hiệu phục hồi lợi nhuận rõ ràng. Công ty dự kiến sản lượng tiêu thụ trong Q3/2023 sẽ đi ngang so với cùng kỳ, tuy nhiên giá bán và tỷ suất lợi nhuận gộp thấp hơn so với cùng kỳ. ANV cũng kỳ vọng khả năng xuất khẩu sẽ phục hồi vào khoảng cuối Q4/2023 hoặc đầu năm 2024. Giá nguyên liệu đầu vào sẽ giảm từ Q3/2023, theo đó tỷ suất lợi nhuận sẽ có cải thiện tích cực từ Q3/2023. Theo ANV, giá cá nguyên liệu giảm từ mức 29.000-30.000 đồng/kg trong năm 2022 xuống 26.000-27.000 đồng/kg trong năm 2023. Chi phí vận chuyển giảm 75% trong Q2/2023 từ mức đỉnh trong năm 2022. Do đó, biên chi phí bán hàng của ANV sẽ giảm trong năm 2023.

Mảng collagen và Gelatin: Nhà máy dự kiến sẽ đi vào hoạt động thương mại từ cuối Q2/2023 giữa ANV và Amicogen (ANV sở hữu 50%), với công suất 800 tấn/năm & vốn đầu tư là 6 triệu USD. Nhà máy C&G dự kiến sẽ tạo ra doanh thu và lợi nhuận lần lượt là 36 triệu USD/năm và 1,5 triệu USD/năm khi hoạt động hết công suất.

ESOP: Công ty đã phát hành 6 triệu cổ phiếu ESOP với mức giá 10.000 đồng/cp (tương đương 4,7% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) trong Q1/2023 và cổ phiếu chỉ bị giới hạn chuyển nhượng trong 1 năm từ sau khi phát hành.

KQKD Q1/2023

Tỷ đồng	1Q23	1Q22	YoY	4Q22	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	TSLN			
							1Q23	1Q22	4Q22	2022
Doanh thu thuần	1.155	1.219	-5,2%	1.144	1,0%	22%				
Lợi nhuận gộp	203	359	-43,3%	235	-13,6%		17,6%	29,4%	20,6%	27,3%
Lợi nhuận hoạt động	135	257	-47,3%	109	24,0%		11,7%	21,1%	9,5%	16,8%
EBIT	141	260	-46,0%	159	-11,8%		12,2%	21,3%	13,9%	17,9%
EBITDA	150	285	-47,3%	202	-25,7%		13,0%	23,4%	17,7%	20,4%
Lợi nhuận trước thuế	108	238	-54,7%	126	-14,5%	36%	9,3%	19,6%	11,0%	15,8%
Lợi nhuận ròng	92	207	-55,3%	107	-13,3%		8,0%	16,9%	9,3%	13,8%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	92	207	-55,3%	107	-13,3%		8,0%	16,9%	9,3%	13,8%

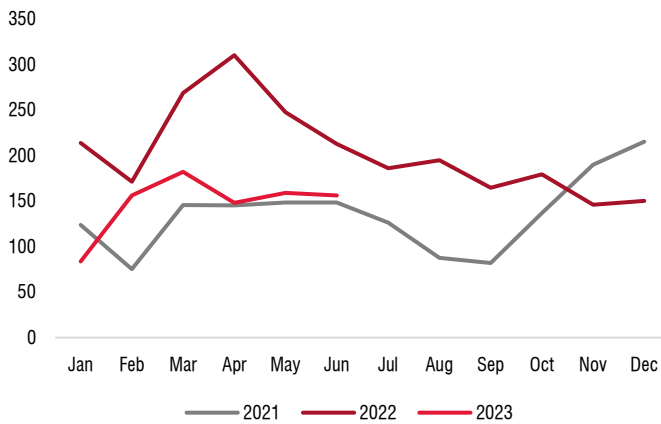
Nguồn: ANV, SSI Research

Trong Q1/2023, ANV đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 1,2 nghìn tỷ đồng (-5% svck) và 92 tỷ đồng (-55% svck). Nguyên nhân chính khiến lợi nhuận giảm đến từ mức giá bán cá tra thấp. Như đã đề cập ở trên, chúng tôi ước tính giá bán bình quân đạt 2,2 USD/kg (-5% so với quý trước, -5% svck) trong Q1/2023, đây là quý giảm thứ ba liên tiếp. Sản lượng tiêu thụ đi ngang so với cùng kỳ, nhờ thị trường Trung Quốc đã bù đắp sự suy yếu từ các thị trường khác. Chúng tôi ước tính giá cá nguyên liệu cũng tăng 6% svck. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp là 17,6% trong Q1/2023, giảm từ 29,4% trong Q1/2022. Tuy nhiên, chi phí vận chuyển đã giảm 75% so với mức đỉnh, theo đó biên chi phí bán hàng giảm từ 8% trong Q1/2022 xuống còn 4,7% trong Q1/2023.

Cập nhật thị trường

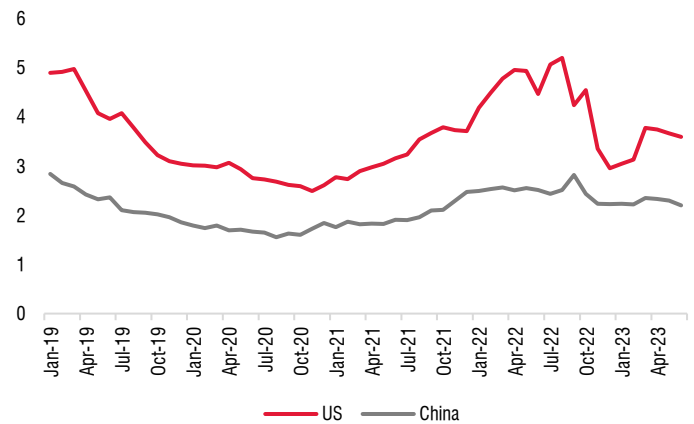
Theo VASEP, kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam trong nửa đầu năm 2023 đạt 885 triệu USD (-38% svck). Trong nửa đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ đạt 137 triệu USD (-58% svck). Trung Quốc vẫn phải đối mặt với nhu cầu yếu do kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 266 triệu USD (-30% svck). Dù đã có tín hiệu cho thấy kim ngạch xuất khẩu đã có sự cải thiện trong Q2/2023, nhưng giá cá tra xuất khẩu sang các thị trường vẫn đi ngang. Trong tháng 6/2023, giá bán trung bình của thị trường Mỹ và Trung Quốc lần lượt đạt 3,5 USD/kg (-21% svck, -4% so với tháng trước) và 2,2 USD/kg (-13% svck, -5% so với tháng trước).

Kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam (triệu USD)



Nguồn: Vasep, SSI Research

Giá bán cá tra bình quân tại thị trường xuất khẩu (USD/kg)



Nguồn: Agromonitor, SSI Research

Ước tính lợi nhuận

Theo ANV, khó khăn có thể còn kéo dài với xuất khẩu cá tra đến hết quý 3/2023. ANV chiếm 6,7% tổng xuất khẩu cá tra của Mỹ trong 5 tháng đầu năm 2023 với giá bán trung bình là 3,2 USD/kg (thấp hơn VHC là 3,6 USD/kg). Chúng tôi ước tính trong năm 2023, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Mỹ sẽ chiếm khoảng 9% doanh thu của ANV, tăng từ mức 1% trong năm 2022. Sau khi thị trường Trung Quốc mở cửa trở lại, sản lượng tiêu thụ vẫn chậm và tiếp tục giảm sau khi đơn đặt hàng hàng đạt đỉnh so với tháng trước và so với cùng kỳ trong tháng 2/2023. Do đó, chúng tôi hạ dự báo tăng trưởng sản lượng tại thị trường Trung Quốc từ 40% svck xuống 10% svck cho năm 2023. Chúng tôi cũng hạ ước tính giá bán trung bình của thị trường Trung Quốc từ 2,5 USD/kg xuống 2,2 USD/kg cho năm 2023. Tổng quan, chúng tôi giả định sản lượng tiêu thụ sẽ tăng 10% svck và giá bán trung bình sẽ đạt 2,2 USD/kg (-9% svck) trong năm 2023.

Về chi phí sản xuất, chúng tôi kỳ vọng giá cá nguyên liệu giảm 3% svck do giá thức ăn thủy sản giảm 4% svck và cá tra giống giảm 10% svck. Chúng tôi ước tính tỷ suất lợi nhuận gộp sẽ đạt 20,1% trong năm 2023, so với 27,3% trong năm 2022.

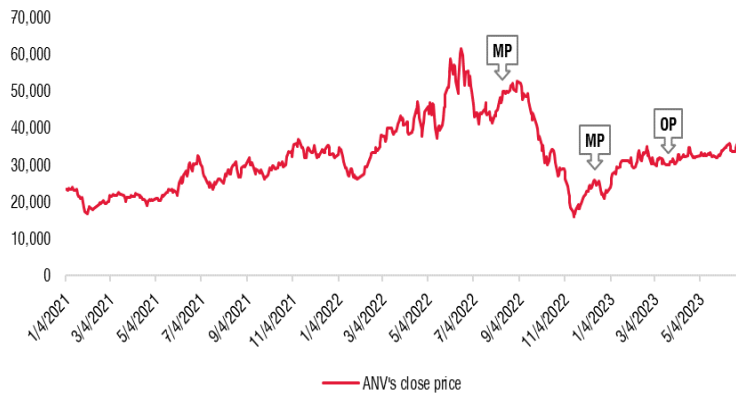
Trong năm 2023, chúng tôi ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 4,9 nghìn tỷ đồng (+1% svck) và 465 tỷ đồng (-31% svck) do chúng tôi kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận gộp sẽ cải thiện trong Q4/2023 do chi phí sản xuất giảm. Trong năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận ròng sẽ lần lượt đạt 5,3 nghìn tỷ đồng (+8% svck) và 611 tỷ đồng (+32% svck), do chúng tôi kỳ vọng xuất khẩu sẽ bắt đầu phục hồi vào cuối Q4/2023 hoặc đầu năm 2024.

Định giá và luận điểm đầu tư

Tại mức giá 37.450 đồng/cp, ANV đang giao dịch với P/E năm 2023 và 2024 lần lượt là 11x và 8x. Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm mới cho ANV là 36.700 đồng/cp (từ 33.300 đồng/cp) dựa trên P/E mục tiêu và năm 2024 là 8x. Chúng tôi hạ khuyến nghị đối với ANV từ **KHẢ QUAN** xuống **TRUNG LẬP** do kỳ vọng xuất khẩu phục hồi lâu hơn dự kiến.

Quan điểm ngắn hạn: Chúng tôi ước tính lợi nhuận trong Q2/2023 có thể tăng nhẹ so với Q1/2023 và lợi nhuận ròng có thể đã chạm đáy trong Q1/2023 về giá trị tuyệt đối. Do mức nền cao của năm 2022 (đặc biệt là trong Q2/2022), chúng tôi cho rằng lợi nhuận ròng sẽ giảm đáng kể so với cùng kỳ trong Q2/2023. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư theo dõi biến động của giá bình quân hoặc sản lượng tiêu thụ tại Mỹ hoặc Trung Quốc, vì các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến các cổ phiếu ngành cá tra trong ngắn hạn.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	43	31	145	511
+ Đầu tư ngắn hạn	646	315	200	200
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	381	435	439	474
+ Hàng tồn kho	1.780	2.333	2.592	2.687
+ Tài sản ngắn hạn khác	67	98	102	109
Tổng tài sản ngắn hạn	2.917	3.212	3.478	3.982
+ Các khoản phải thu dài hạn	13	23	23	25
+ GTCL Tài sản cố định	1.046	1.102	908	711
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	779	896	896	896
+ Đầu tư dài hạn	30	119	69	69
+ Tài sản dài hạn khác	103	115	127	132
Tổng tài sản dài hạn	1.971	2.256	2.023	1.833
Tổng tài sản	4.887	5.468	5.501	5.814
+ Nợ ngắn hạn	2.337	2.420	2.107	1.980
Trong đó: vay ngắn hạn	1.838	1.769	1.384	1.230
+ Nợ dài hạn	215	166	92	55
Trong đó: vay dài hạn	210	153	79	41
Tổng nợ phải trả	2.552	2.585	2.199	2.035
+ Vốn góp	1.275	1.275	1.335	1.335
+ Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21	21
+ Lợi nhuận chưa phân phối	1.066	1.613	1.945	2.423
+ Quý khác	-28	-28	0	0
Vốn chủ sở hữu	2.336	2.882	3.302	3.780
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	4.887	5.468	5.501	5.814
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	250	266	618	742
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-300	57	0	-50
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	49	-334	-504	-325
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-1	-11	114	366
Tiền đầu kỳ	44	43	31	145
Tiền cuối kỳ	43	31	145	511
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,25	1,33	1,65	2,01
Hệ số thanh toán nhanh	0,46	0,32	0,37	0,6
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,29	0,14	0,16	0,36
Nợ ròng / EBITDA	5,04	1,95	1,53	0,8
Khả năng thanh toán lãi vay	2,47	8,36	6,23	9,08
Ngày phải thu	34,9	27,8	30,6	29,6
Ngày phải trả	39,1	24,3	27	27,9
Ngày tồn kho	228,4	210,8	227,2	234,9
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,48	0,53	0,6	0,65
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,52	0,47	0,4	0,35
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,09	0,9	0,67	0,54
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,88	0,67	0,44	0,34
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,79	0,61	0,42	0,33

Nguồn: ANV, SSI Research

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	3.494	4.897	4.950	5.345
Giá vốn hàng bán	-2.941	-3.561	-3.955	-4.101
Lợi nhuận gộp	553	1.336	994	1.244
Doanh thu hoạt động tài chính	41	80	50	53
Chi phí tài chính	-115	-188	-182	-171
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-281	-378	-247	-321
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-56	-94	-99	-107
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	142	755	517	698
Thu nhập khác	10	19	19	21
Lợi nhuận trước thuế	151	774	536	719
Lợi nhuận ròng	129	674	465	611
Lợi nhuận chia cho cổ đông	129	674	465	611
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Tăng trưởng				
Doanh thu	1,6%	40,1%	1,1%	8,0%
EBITDA	-3,6%	165,1%	-11,7%	19,5%
EBIT	-15,6%	245,5%	-27,3%	26,5%
Lợi nhuận ròng	-36,3%	423,3%	-31,0%	31,5%
Vốn chủ sở hữu	0,1%	23,4%	14,6%	14,5%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	4,7%	0,0%
Tổng tài sản	1,1%	11,9%	0,6%	5,7%
Định giá				
PE	32,9	4,3	10,5	8,0
PB	1,8	1,0	1,5	1,3
Giá/Doanh thu	1,2	0,6	0,99	0,91
Tỷ suất cổ tức	3,0%	4,4%	2,7%	2,7%
EV/EBITDA	14,8	4,4	7,09	5,93
EV/Doanh thu	1,6	0,9	1,26	1,17
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15,8%	27,3%	20,1%	23,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	6,3%	16,8%	12,1%	14,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	3,7%	13,8%	9,4%	11,4%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	8,0%	7,7%	5,0%	6,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,6%	1,9%	2,0%	2,0%
ROE	5,5%	25,8%	15,0%	17,3%
ROA	2,6%	13,0%	8,5%	10,8%
ROIC	5,1%	16,7%	11,6%	14,0%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
phuonghv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng kiêm Trưởng Ban đào tạo
hungpl@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên Cao cấp phân tích Ví mô
trinhtt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định Lượng

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu
chaunbm@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp
thanhtk@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Phân tích Ngành thủy sản

Hoàng Anh Tuấn

Chuyên viên Phân tích
Tuanha2@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3040

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ
tanntk@ssi.com.vn
Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư
nganlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư
baong1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư
hieuhht1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư
chauttb@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043